

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19 28 /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 02 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung, một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng chính phủ (để phối hợp);
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Công Thông tin điện tử Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, TMĐT. AnhDTuan



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Nguyễn Sinh Nhật Tân



DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TOÀN TRÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 19 2 g/QĐ-BCT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Cấp giải quyết
I	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu		
1	1.000658	Cấp Giấy chứng nhận quy trình Kimberly đối với kim cương thô	Trung ương
2	1.000299	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo	Trung ương
3	2.000273	Cấp lại, điều chỉnh nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo	Trung ương
4	1.000694	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu AANZ	Trung ương
5	2.000303	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu AI	Trung ương
6	1.000432	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu AJ	Trung ương
7	1.000603	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu AK	Trung ương
8	1.000603	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu D	Trung ương
9	1.000695	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu E	Trung ương
10	1.000676	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu S	Trung ương
11	1.000686	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu VJ	Trung ương
12	1.000664	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu VC	Trung ương
13	1.000431	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu VK	Trung ương
14	2.000260	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu X	Trung ương
15	1.000382	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu EAV	Trung ương
16	1.000366	Cấp Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN	Trung ương
17	1.001298	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) cho hàng hóa gửi kho ngoại quan đến các nước thành viên theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập	Trung ương
18	1.001370	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu từ doanh nghiệp chế xuất, khu chế xuất, kho ngoại quan, khu phi thuế quan và các khu vực hải quan riêng khác có quan hệ xuất nhập khẩu với nội địa	Trung ương
19	1.001380	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) cấp sau	Trung ương
20	1.001383	Cấp lại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O)	Trung ương
21	1.003522	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) giáp lưng	Trung ương
22	2.000006	Cấp phép quá cảnh hàng hóa của Công hoà dân chủ nhân dân Lào qua lãnh thổ Việt Nam	Trung ương
23	2.000521	Cấp Giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa thuộc danh mục cấm của Việt Nam nhưng không thuộc danh mục	Trung ương

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Cấp giải quyết
		cấm của Campuchia	
24	1.000678	Cấp Giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa thuộc danh mục cấm Campuchia	Trung ương
25	1.001051	Cấp Giấy phép quá cảnh đối với mặt hàng gỗ các loại đã qua xử lý	Trung ương
26	2.000517	Cấp phép tiêu thụ hàng hóa quá cảnh	Trung ương
27	1.001382	Cấp Giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Trung ương
28	2.000656	Cấp Giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh là Vật liệu nổ công nghiệp của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Trung ương
29	1.001379	Gia hạn thời gian quá cảnh hàng hóa của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Trung ương
30	2.000654	Thay đổi cửa khẩu xuất khẩu, nhập khẩu quá cảnh hàng hóa của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Trung ương
31	1.000636	Cấp phép tiêu thụ hàng hóa quá cảnh của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Trung ương
32	1.003090	Cấp giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô	Trung ương
33	1.003077	Cấp đổi giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô	Trung ương
34	1.003059	Cấp lại giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô	Trung ương
35	1.004191	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm nhập, tái xuất; Giấy phép nhập; Giấy phép kinh doanh chuyên khẩu	Trung ương
36	1.000450	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) không ưu đãi mẫu B	Trung ương
37	1.000421	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép quá cảnh hàng hóa	Trung ương
38	2.001189	Thủ tục cấp Giấy phép gia công hàng hóa đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép	Trung ương
39	1.002853	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép gia công hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép	Trung ương
40	2.001192	Thủ tục cấp Giấy phép sản xuất, gia công quân phục cho các lực lượng vũ trang nước ngoài	Trung ương
41	1.002808	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép sản xuất, gia công quân phục cho lực lượng vũ trang nước ngoài	Trung ương
42	2.001315	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu mẫu quần phục	Trung ương
43	2.001296	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan	Trung ương
44	2.001282	Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa đã có quyết định tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu nhằm phục vụ mục đích đặc dụng, bảo hành, phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, bảo vệ quốc phòng, an ninh	Trung ương
45	2.001372	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu CPTPP	Trung ương
46	1.007968	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu AHK	Trung ương

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Cấp giải quyết
47	1.008361	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu VN-CU	Trung ương
48	1.008667	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu EUR.1	Trung ương
49	1.008882	Cấp sửa đổi, bổ sung Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN	Trung ương
50	1.010056	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu EUR.1 trong UKVFTA	Trung ương
51	1.010762	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu RCEP	Trung ương
52	1.011610	Cấp giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan cho Liên doanh giữa Việt Nam và Bê – la – rút	Trung ương
53	1.001419	Cấp phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế	UBND tỉnh
54	1.003438	Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh (nhưng không phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh)	UBND tỉnh
55	1.001062	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất	UBND tỉnh
56	1.000957	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác	UBND tỉnh
57	1.000905	Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập	UBND tỉnh
58	1.000890	Thủ tục Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	UBND tỉnh
59	1.004155	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh	UBND tỉnh
60	1.004181	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt	UBND tỉnh
61	2.001758	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng	UBND tỉnh
62	1.000551	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất	UBND tỉnh
63	1.000477	Thủ tục cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật	UBND tỉnh
64	1.000264	Đăng ký Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan xuất khẩu mật ong tự nhiên sang Nhật Bản	UBND tỉnh
65	1.001238	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	UBND tỉnh
66	1.001104	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	UBND tỉnh
67	1.000400	Cấp Chứng thư xuất khẩu	UBND tỉnh
II	Lĩnh vực Thương mại điện tử		
68	1.000319	Đăng ký website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử	Trung ương
69	1.000311	Đăng ký lại website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử	Trung ương
70	2.000443	Sửa đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử	Trung ương
71	1.000799	Sửa đổi bổ sung đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử	Trung ương
72	1.000821	Đăng ký ứng dụng cung cấp dịch vụ thương mại điện tử	Trung ương
73	1.000782	Cấp Sửa đổi, bổ sung thông tin đăng ký ứng dụng cung cấp dịch vụ thương mại điện tử	Trung ương
74	1.003015	Đăng ký lại ứng dụng cung cấp dịch vụ thương mại điện tử	Trung ương
75	1.010834	Đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử	Trung ương

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Cấp giải quyết
76	1.010835	Sửa đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử	Trung ương
77	1.010836	Hủy bỏ, chấm dứt đăng ký cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử	Trung ương
78	2.000243	Thông báo website thương mại điện tử bán hàng	UBND tỉnh
79	1.000758	Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo website thương mại điện tử bán hàng	UBND tỉnh
80	1.000880	Đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử	UBND tỉnh
81	1.003390	Thông báo ứng dụng Thương mại điện tử bán hàng	UBND tỉnh
82	1.002968	Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo về ứng dụng bán hàng	UBND tỉnh
III	Lĩnh vực An toàn vệ sinh lao động		
83	2.000140	Cấp chứng chỉ kiểm định viên thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương	UBND tỉnh
84	2.000066	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương	UBND tỉnh
IV	Lĩnh vực Điện lực		
85	1.013406	Cấp lại Giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)	UBND tỉnh
86	1.013407	Cấp gia hạn Giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương	UBND tỉnh
87	1.013408	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương;	UBND tỉnh
88	1.013410	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng	UBND tỉnh
89	1.013417	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)	UBND tỉnh
90	1.013418	Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;	UBND tỉnh
91	1.013419	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;	UBND tỉnh
92	1.013420	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng	UBND tỉnh
V	Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng		
93	1.000363	Cấp phép nhập khẩu tự động thuốc lá điếu, xì gà	Trung ương
94	1.001335	Thông báo chỉ tiêu nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá	UBND tỉnh
95	1.000667	Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá	UBND tỉnh
96	2.000209	Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại	UBND tỉnh
97	1.000162	Chấp thuận đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, đi chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá	UBND tỉnh
98	1.000172	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá	UBND tỉnh

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Cấp giải quyết
99	1.000949	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu	UBND tỉnh
VI	Lĩnh vực Hóa chất		
100	2.001550	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất công nghiệp	Trung ương
101	2.002091	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất công nghiệp	Trung ương
102	1.005375	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất công nghiệp	Trung ương
103	1.005374	Gia hạn giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất công nghiệp	Trung ương
104	2.001555	Khai báo hóa chất nhập khẩu	Trung ương
105	1.003891	Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp	Trung ương
106	2.002094	Cấp lại giấy phép kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp	Trung ương
107	1.011504	Cấp lại Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp	Trung ương
108	1.003820	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	UBND tỉnh
109	1.003775	Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	UBND tỉnh
110	2.001585	Cấp Điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	UBND tỉnh
111	1.003724	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, Bảng 3	UBND tỉnh
112	2.001722	Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	UBND tỉnh
113	1.004031	Cấp Điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	UBND tỉnh
114	2.000431	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	UBND tỉnh
115	2.000257	Cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	UBND tỉnh
VII	Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ		
116	2.000578	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp	Trung ương
117	1.000494	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất thuốc nổ	Trung ương
118	2.001575	Cấp Giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp	Trung ương
119	1.003698	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp	Trung ương
120	1.000395	Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương	Trung ương
121	1.003401	Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	UBND tỉnh
VIII	Lĩnh vực Xúc tiến thương mại		
122	2.000138	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn từ 2 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên và chương trình khuyến mại theo các hình thức khác	Trung ương
123	2.000041	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may	Trung ương

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Cấp giải quyết
		rủi thực hiện trên địa bàn từ 2 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên và chương trình khuyến mại theo các hình thức khác	
124	2.000026	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại ở nước ngoài	UBND tỉnh
125	2.000133	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài.	UBND tỉnh
126	2.000004	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	UBND tỉnh
127	2.000002	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	UBND tỉnh
128	2.000033	Thông báo hoạt động khuyến mại	UBND tỉnh
129	2.001474	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	UBND tỉnh
130	2.000131	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	UBND tỉnh
131	2.000001	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	UBND tỉnh
IX	Lĩnh vực Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng		
132	2.000191	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của địa phương	UBND tỉnh
X	Lĩnh vực Quản lý bán hàng đa cấp		
133	1.000887	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp	Trung ương
134	2.001608	Sửa đổi bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp	Trung ương
135	1.003786	Thông báo thay đổi danh mục hàng hóa kinh doanh theo phương thức đa cấp	Trung ương
136	1.003776	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp	Trung ương
137	1.003765	Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp	Trung ương
138	2.000316	Rút tiền ký quỹ	Trung ương
139	1.000721	Xử lý khoản tiền đã ký quỹ	Trung ương
140	2.000309	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	UBND tỉnh
141	2.000631	Thủ tục Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	UBND tỉnh
142	2.000619	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	UBND tỉnh
143	2.000609	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	UBND tỉnh
144	2.001573	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp	UBND tỉnh
145	1.003705	Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp	UBND tỉnh
XI	Lĩnh vực An toàn thực phẩm		
146	2.000117	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm do Bộ Công Thương thực hiện	UBND tỉnh
147	2.000115	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm do Bộ Công	UBND tỉnh

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Cấp giải quyết
		Thương thực hiện	
148	2.000591	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện	UBND tỉnh
149	2.000535	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện	UBND tỉnh
XII	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước		
150	2.000557	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối xăng dầu	Trung ương
151	2.000495	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối xăng dầu	Trung ương
152	2.000546	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối xăng dầu	Trung ương
153	1.001464	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (có hệ thống phân phối xăng dầu trên địa bàn 2 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên)	Trung ương
154	1.001462	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (có hệ thống phân phối xăng dầu trên địa bàn 2 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên)	Trung ương
155	1.005404	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu	Trung ương
156	2.000580	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu	Trung ương
157	2.000566	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu	Trung ương
158	2.000470	Đăng ký tổng nguồn xăng dầu tối thiểu hàng năm	Trung ương
159	2.000266	Đăng ký kế hoạch sản xuất xăng dầu, nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất xăng dầu, tiêu thụ sản phẩm xăng dầu	Trung ương
160	1.001171	Đăng ký xuất khẩu xăng dầu	Trung ương
161	1.001338	Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	UBND tỉnh
162	1.001323	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	UBND tỉnh
163	2.000598	Cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	UBND tỉnh
164	1.003977	Cấp Giấy phép phân phối rượu	UBND tỉnh
165	1.005376	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối rượu	UBND tỉnh
166	1.003101	Cấp lại Giấy phép phân phối rượu	UBND tỉnh
167	2.000666	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	UBND tỉnh
168	2.000664	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	UBND tỉnh
169	2.000673	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	UBND tỉnh
170	2.000669	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	UBND tỉnh

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Cấp giải quyết
171	2.000672	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	UBND tỉnh
172	2.000648	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	UBND tỉnh
173	2.000645	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	UBND tỉnh
174	2.000647	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	UBND tỉnh
175	2.000190	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	UBND tỉnh
176	2.000176	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	UBND tỉnh
177	2.000167	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	UBND tỉnh
178	2.001624	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	UBND tỉnh
179	2.001619	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	UBND tỉnh
180	2.000636	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	UBND tỉnh
181	2.000633	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	UBND tỉnh
182	1.001279	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	UBND tỉnh
183	2.000629	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	UBND tỉnh
184	2.000181	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	UBND tỉnh
185	2.000162	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	UBND tỉnh
186	2.000150	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	UBND tỉnh
187	2.000620	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	UBND tỉnh
188	2.000615	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	UBND tỉnh
189	2.001240	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	UBND tỉnh
XIII	Lĩnh vực Quản lý cạnh tranh		
190	2.000253	Đề nghị hướng miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh	Trung ương
191	2.000262	Thông báo tập trung kinh tế	Trung ương
XIV	Lĩnh vực Chất lượng sản phẩm, hàng hóa		
192	1.001271	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	UBND tỉnh
193	2.000618	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	UBND tỉnh
194	2.000613	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	UBND tỉnh
195	1.000878	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	UBND tỉnh
196	2.000401	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	UBND tỉnh
197	2.000251	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	UBND tỉnh
198	1.001292	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	UBND tỉnh
199	2.000628	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	UBND tỉnh
200	2.000624	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	UBND tỉnh

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Cấp giải quyết
201	2.000604	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	UBND tỉnh
202	2.001675	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	UBND tỉnh
203	2.001665	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	UBND tỉnh
204	1.013990	Cấp lại Quyết định chi định tổ chức đánh giá sự phù hợp	UBND tỉnh
205	2.000046	Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	UBND tỉnh
206	1.005190	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	UBND tỉnh
207	2.000110	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	UBND tỉnh
XV	Lĩnh vực Năng lượng		
208	2.001734	Đăng ký dán nhãn năng lượng	Trung ương
XVI	Lĩnh vực Phòng vệ thương mại		
209	1.000209	Miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại (lần đầu)	Trung ương
210	1.000226	Bổ sung lượng hàng hóa được miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại	Trung ương
XVII	Lĩnh vực Thương mại quốc tế		
211	1.000376	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	UBND tỉnh
XVIII	Lĩnh vực Dịch vụ thương mại		
212	2.000168	Đăng ký nhượng quyền thương mại từ nước ngoài vào Việt Nam	Trung ương
XIX	Lĩnh vực Dầu khí		
213	1.011683	Phê duyệt/điều chỉnh đề cương chi tiết và dự toán chi phí đề án điều tra cơ bản về dầu khí	Trung ương
214	1.011684	Phê duyệt/điều chỉnh nội dung hợp đồng dầu khí; cấp/điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Trung ương
215	1.011686	Chấp thuận chủ trương thực hiện dự án phát triển mỏ dầu khí có chuỗi đồng bộ các hạng mục công trình, thiết bị trên đất liền và trên biển	Trung ương
216	1.011687	Chuyên mục đích sử dụng rừng và đất của dự án phát triển mỏ dầu khí trên đất liền, dự án phát triển mỏ dầu khí có chuỗi đồng bộ các hạng mục công trình, thiết bị dầu khí trên đất liền và trên biển	Trung ương
217	1.011688	Phê duyệt/cập nhật/điều chỉnh báo cáo tài nguyên, trữ lượng dầu khí; báo cáo tài nguyên trữ lượng dầu khí; kế hoạch đại cương phát triển mỏ dầu khí; kế hoạch khai thác sớm mỏ dầu khí; kế hoạch phát triển mỏ dầu khí; kế hoạch thu dọn công trình dầu khí	Trung ương
218	1.011689	Chấp thuận để lại một phần hoặc toàn bộ công trình dầu khí, hoàn thu dọn một phần hoặc toàn bộ công trình dầu khí	Trung ương
219	1.011682	Phê duyệt/điều chỉnh danh mục đề án điều tra cơ bản về dầu khí	Trung ương
220	1.013735	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu ký kết hợp đồng dầu khí	Trung ương
221	1.013736	Chấp thuận/phê duyệt gia hạn thời hạn của hợp đồng dầu khí, gia hạn thời hạn của giai đoạn tìm kiếm thăm dò dầu khí; giữ lại/kéo dài thời gian giữ lại diện tích phát hiện khí; mở rộng diện tích hợp đồng dầu khí, hợp	Trung ương

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Cấp giải quyết
		nhất phát hiện dầu khí, mỏ dầu khí	
222	1.013737	Phê duyệt chuyển nhượng quyền lợi tham gia, quyền và nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng dầu khí; việc Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam thực hiện quyền tham gia, quyền ưu tiên mua trước quyền lợi tham gia, tiếp nhận quyền lợi tham gia trong hợp đồng dầu khí	Trung ương
223	1.013739	Phê duyệt kế hoạch xử lý tiếp theo đối với mỏ, cụm mỏ, lô dầu khí khi hợp đồng dầu khí hết thời hạn; cơ chế điều hành hoạt động khai thác tận thu mỏ, cụm mỏ, lô dầu khí	Trung ương
224	1.013740	Nghiệm thu, phê duyệt kết quả thực hiện đề án điều tra cơ bản về dầu khí	Trung ương